

CỤC THUẾ
THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6849 /CTH-QLDN4
V/v kê khai thuế GTGT và xác định
tỷ lệ doanh thu xuất khẩu

Cần Thơ, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thành Tín
Địa chỉ: Số 383 đường Bạch Đằng, phường Sóc
Trăng, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 20/7/2026 Thuế thành phố Cần Thơ nhận được Công văn số 24/CV-PKT.TTIN ngày 18/7/2026 của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Tín (Sau đây gọi tắt là Công ty Thành Tín) về việc vướng mắc trong kê khai tờ khai thuế GTGT và xác định tỷ lệ doanh thu xuất khẩu trên tổng doanh thu.

Thuế thành phố Cần Thơ có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 17; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng:

“Điều 14. Nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng

1. Giá tính thuế đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Mục này:

a) Bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

b) Không bao gồm các khoản thu không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của cơ sở kinh doanh: các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, thu đòi người thứ ba của hoạt động bảo hiểm, các khoản thu hộ, các khoản thù lao từ cơ quan nhà nước do thực hiện hoạt động thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước, các khoản thu tài chính.

...

Điều 17. Mức thuế suất 0%

Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng. Trong đó:

1. Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:

a) Hàng hóa từ Việt Nam bán cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam.

....

2. Dịch vụ xuất khẩu bao gồm:



a) Dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam. Trong đó, cá nhân ở nước ngoài đáp ứng điều kiện ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung cấp dịch vụ.

....

3. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác bao gồm: vận tải quốc tế; dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp hoặc thông qua đại lý cho vận tải quốc tế; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài và có hồ sơ, tài liệu chứng minh tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc, thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa gia công chuyển tiếp để xuất khẩu theo quy định của pháp luật; hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khoản 4 Điều này. Trong đó:

a) Vận tải quốc tế bao gồm vận tải hành khách, hành lý, hàng hóa theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam, hoặc cả điểm đi và đến ở nước ngoài, không phân biệt có phương tiện trực tiếp vận tải hay không có phương tiện. Trường hợp, hợp đồng vận tải quốc tế bao gồm cả chặng vận tải nội địa thì vận tải quốc tế bao gồm cả chặng nội địa.

....

Điều 18. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu áp dụng thuế suất 0% quy định tại Điều 17 Nghị định này (trừ một số trường hợp đặc thù quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định này) phải đáp ứng quy định sau:

1. Đối với hàng hóa xuất khẩu, phải có:

a) Hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu (đối với trường hợp bán, gia công); hợp đồng ủy thác xuất khẩu (đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu).

b) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa xuất khẩu.

c) Tờ khai hải quan theo quy định.

2. Đối với dịch vụ xuất khẩu, trừ quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này, phải có:

a) Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan.

b) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ xuất khẩu.

3. Đối với vận tải quốc tế, phải có:

a) Hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa giữa người vận chuyển và người thuê vận chuyển theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài

hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam hoặc cả điểm đi và điểm đến ở nước ngoài theo các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với vận chuyển hành khách, hợp đồng vận chuyển là vé. Cơ sở kinh doanh vận tải quốc tế thực hiện theo các quy định của pháp luật về vận tải.

b) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Đối với trường hợp vận chuyển hành khách là cá nhân, có chứng từ thanh toán trực tiếp.

... ”

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng:

“Điều 4. Hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng

1. Người nộp thuế căn cứ hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng và Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng để xác định đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%.

2. Khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu thì người nộp thuế phải xuất trình hồ sơ, thủ tục đảm bảo đáp ứng quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0% quy định tại Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

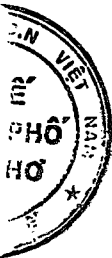
Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác, khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu thì người nộp thuế phải xuất trình hồ sơ, thủ tục đảm bảo đáp ứng quy định về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.”

Căn cứ các quy định trên, trên cơ sở trình bày của Công ty Thành Tín tại Công văn số 22/CV-PKT.TTIN và Công văn số 24/CV-PKT.TTIN, Thuế thành phố Cần Thơ hướng dẫn trên nguyên tắc như sau:

1. Đối với hóa đơn GTGT do Công ty Thành Tín xuất cho đối tác nhập khẩu đáp ứng các điều kiện được áp dụng thuế suất 0% thì kê khai vào chỉ tiêu [29] trên tờ khai 01/GTGT.

2. Đối với khoản thu của phí bảo hiểm và cước vận tải quốc tế:

- Nếu các khoản thu này không phải là hàng hóa, dịch vụ bán hoặc cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài theo quy định tại Điều 17 Nghị



định số 181/2025/NĐ-CP mà chỉ là khoản thu hộ thì không được tính vào Tổng doanh thu khi xác định tỷ lệ hoàn thuế xuất khẩu.

- Nếu các khoản thu này là hàng hóa, dịch vụ do Công ty Thành Tín bán hoặc cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và đáp ứng các điều kiện áp dụng thuế suất 0% theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP thì được tính vào Tổng doanh thu khi xác định tỷ lệ hoàn thuế xuất khẩu.

Đề nghị Công ty Thành Tín căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh, trên cơ sở đối chiếu các quy định pháp luật hiện hành nêu trên để thực hiện đúng quy định.

Thuế thành phố Cần Thơ trả lời đề Công ty Thành Tín được biết và thực hiện./. *TK*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng NVDTTC;
- Phòng QLDN số 1,2,3;
- Phòng Kiểm tra số 3;
- Các thuế Cơ sở;
- Trang TTĐT Thuế TPCT;
- Lưu: VT, QLDN4. *TK*

**KT. TRƯỞNG THUẾ THÀNH PHỐ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ THÀNH PHỐ**



Nguyễn Thành Tâm